

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1306/2025/DS-ST
Ngày: 19-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Phương Trang
2. Ông Trần Văn Xê

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2025/TLST – DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T; Trụ sở: số 2xx-xxx đường N, phường X (phường V, Quận E cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Thành N, sinh năm 19xx (Văn bản uỷ quyền số 6900/2024/UQ-TGD ngày 07/10/2024)

2. Bị đơn: ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 19xx; Địa chỉ: số 50/xx Đường T, phường B (khu phố xx, phường B, quận B11 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của đương sự tại phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng T có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành N trình bày:

Ngày 20/07/2022, ông P có ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 80,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 158,228,366 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 83,457,866 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 06/02/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 19/9/2025, ông P còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm):

- Nợ gốc: 85,664,938 đồng

- Lãi quá hạn: 101,738,670 đồng

Tổng cộng: 187,403,608 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc với lãi suất quá hạn từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Tại Tòa, Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Tấn P phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/9/2025 là 187,403,608 đồng trong đó: dư nợ quá hạn là 85,664,938 đồng, lãi quá hạn là 101,738,670 đồng.

2. Ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ông Nguyễn Tấn P trực tiếp ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Do đó, Ngân hàng T chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, không yêu cầu vợ ông P (nếu có) liên đới trả nợ.

Khi ký Hợp đồng với Ngân hàng thì bị đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn tại số 50/xx Đường T, phường B (khu phố xx, phường B, quận B11 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Tính đến nay, ông P không có bất kỳ thông báo nào cho Ngân hàng biết địa chỉ nào khác của ông P. Do đó, Ngân hàng không cung cấp được địa chỉ nào khác của ông P cho Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn P: vắng mặt không có lý do, không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa: nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng, hòa giải, phiên họp thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, thủ tục phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông P phải trả cho Ngân hàng số tiền 187,403,608 đồng (gồm 85,664,938 đồng tiền gốc; tiền lãi quá hạn 101,738,670 đồng tính từ ngày 06/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm) và tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/7/2022, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Tấn P thì đây là quan hệ hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân với mục đích vay là tiêu dùng cho cá nhân.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/7/2022 thì ông Nguyễn Tấn P cung cấp địa chỉ tại số 50/xx Đường T, phường B (khu phố xx, phường B, quận B11 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 50/xx Đường T, phường B (khu phố xx, phường B, quận B11 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về cư trú đối với bị đơn tại Công an phường B, quận B11 thì tại số 50/xx Đường T, phường B (khu phố xx, phường B, quận B11 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 50/xx Đường T, phường B (khu phố xx, phường B, quận B11 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh) không có ai tên Nguyễn Tấn Phong (19xx) sinh sống, đăng ký và cư ngụ. Như vậy người khởi kiện được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của

người bị kiện; người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục vụ án dân sự là đúng thẩm quyền được quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Tấn P không đến tòa để trình bày ý kiến, tham dự hòa giải cũng như phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ kiện. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

- Tòa án đã triệu tập họp lệ đại diện nguyên đơn nhưng đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét việc Ngân hàng T yêu cầu ông Nguyễn Tấn P phải thanh toán nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/7/2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về số nợ vốn vay: Xét mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Tấn P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, biết rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không đến Tòa để cung cấp lời khai và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến cũng như các chứng cứ phản bác lại yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/7/2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T có cơ sở xác định ông Nguyễn Tấn P có vay của Ngân hàng số tiền gốc là 158,228,366 đồng. Do ông Nguyễn Tấn P không trả được nợ vốn nên Ngân hàng khởi kiện ông P trả tiền vốn vay còn nợ là có cơ sở để xem xét. Quá trình thực hiện hợp

đồng ông P chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 85,664,938 đồng. Như vậy số tiền nợ gốc ông P còn phải trả cho Ngân hàng là 85,664,938 đồng. Việc ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc đã được các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng 20/7/2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông P phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 85,664,938 đồng.

- Về tiền lãi quá hạn: Xét trong việc thực hiện Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng 20/7/2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T, ông P là bên vi phạm hợp đồng, không trả lãi đúng hạn quy định theo hợp đồng. Theo lời khai của đại diện nguyên đơn thì trong quá trình thực hiện hợp đồng ông P chưa thanh toán số tiền lãi là 101,738,670 đồng. Xét số tiền lãi do Ngân hàng yêu cầu được tính dựa trên mức lãi suất phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng 20/7/2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T. Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các văn bản pháp luật có liên quan về ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc ông P phải trả cho Ngân hàng tiền lãi tính từ ngày 06/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 101,738,670 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/9/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Như vậy, tổng cộng ông Nguyễn Tấn P phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 19/9/2025 là 187,403,608 đồng (trong đó nợ gốc là 85,664,938 đồng, tiền lãi quá hạn là 101,738,670 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: ông Nguyễn Tấn P phải chịu án phí sơ thẩm là 9.370.180 đồng do phải trả cho Ngân hàng số tiền là 187.403.608 đồng.

Ngân hàng không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;
- Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các điều 91, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Luật Thi hành án dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T:

Buộc ông Nguyễn Tấn P phải thanh toán cho Ngân hàng T số tiền còn nợ của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 20/7/2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T với tổng số tiền tính đến ngày 19/9/2025 là 187.403.608 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, sáu trăm lẻ tám đồng). Trong đó: nợ gốc là 85,664,938 đồng, nợ lãi quá hạn là 101,738,670 đồng.

Ông Nguyễn Tấn P phải thanh toán cho Ngân hàng T tiền lãi tính kể từ ngày 20/9/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/7/2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T.

Thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tấn P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 9.370.180 (chín triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, một trăm tám mươi) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.725.642 (Ba triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm bốn mươi hai) đồng theo biên lai thu số 0048718 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Án sơ thẩm xử công khai. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV9 TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh